

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2020-2021
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2020

LỚP: 2029DB02

Trang: 1

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				GHI CHÚ
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2000010	VÕ VĂN	CHÍNH		10/03/2002	10.0	8.5	6.5	8.0	
2	T2000117	ĐINH THỊ PHƯƠNG	NGỌC	X	13/04/2002	9.5	10.0	6.5	8.0	
3	T2000134	PHẠM MINH	NHỰT		04/04/2002	9.5	9.0	6.5	8.0	
4	T2000136	ÔN QUANG	NHỰT		24/02/2002	10.0	10.0	9.0	8.0	
5	T2000140	THÁI KIM	PHA	X	19/10/2002	8.5	8.5	8.5	8.0	
6	T2000142	TRẦN NHỰT	PHI		13/04/2002	9.0	9.5	5.5	8.0	
7	T2000145	TRẦN THỊ MỸ	PHỤNG	X	17/10/2002	9.0	9.0	7.0	8.0	
8	T2000152	LÊ QUỐC	QUY		15/09/2001	8.5	8.5	8.5	8.0	
9	T2000153	NGUYỄN PHẠM KIM	QUYÊN	X	24/05/2002	9.0	8.5	6.5	8.0	
10	T2000158	NGUYỄN TRÚC	SƯƠNG	X	13/03/2002	8.5	8.5	5.5	8.0	
11	T2000171	NGUYỄN KIM	THẢO	X	21/10/2002	10.0	10.0	8.0	10.0	
12	T2000175	PHẠM ĐỨC	THIỆN		13/09/2002	9.5	6.5	8.5	7.0	
13	T2000183	LÊ THỊ CẨM	TIÊN	X	16/06/2002	10.0	10.0	6.5	7.5	
14	T2000197	CHÂU THÀNH	TRUNG		02/02/2002	10.0	9.5	8.0	8.0	
15	T2000220	PHAN THỊ MỸ	XUYỀN	X	04/01/2002	9.5	9.0	8.5	8.0	
16	T2000222	HUỖNH NGỌC NHƯ	Ý	X	09/12/2002	9.5	9.5	7.0	8.0	
17	T2000229	NGUYỄN QUỐC	CUÔNG		05/06/2002	10.0	9.5	6.5	7.0	
18	T2000236	TRẦN KHÁNH	LÂM		20/01/2002	8.5	8.0	5.5	6.5	
19	T2000242	TRẦN QUỐC	HÀO		12/10/2001	8.5	9.5	6.0	8.0	
20	T2000247	TRẦN TRỌNG	TÍNH		25/08/2002	9.5	8.0	7.0	7.5	
21	T2000249	NGUYỄN NGỌC TUỜNG	VY	X	18/08/2002	8.5	10.0	7.0	6.5	
22	T2000250	NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG		27/08/2002	8.5	9.0	8.0	6.5	
23	T2000252	HUỖNH TRỌNG	PHÚC		27/11/2001	10.0	8.5	5.5	7.0	
24	T2000256	VÕ TẤN	TÀI		07/09/2002	8.5	8.0	7.0	5.5	
25	T2000257	TRẦN HOÀNG	NINH		21/06/2001	9.5	8.5	9.0	7.0	
26	T2000261	NGUYỄN THỊ CHÚC	GIANG	X	29/10/2001	10.0	9.0	9.0	8.0	
27	T2000272	TRẦN THANH	PHÚ		03/10/2002	10.0	8.0	7.5	7.0	
28	T2000273	TRẦN MINH	ĐỂ		13/08/2001	8.5	9.0	8.0	7.0	
29	T2000280	HUỖNH TRỌNG	KHẢI		12/01/2002	9.5	7.0	8.0	5.0	
30	T2000381	LÊ THỊ NHƯ	Ý	X	22/04/2002	9.5	9.5	8.0	8.0	

HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CẦN THƠ
Giáo viên:
Nguyễn Minh Trí

**KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2020-2021
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2020**

LỚP: 2029DB04

Trang: 1

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				GHI CHÚ
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2000091	PHAN VĂN VŨ	LUÂN		21/07/2002	9.0	8.0	2.5	9.0	
2	T2000116	NGUYỄN HẢI	NGHIÊM		10/05/2002	8.5	9.5	8.0	8.0	
3	T2000240	LÊ THỊ YẾN	NHI	X	15/08/2002	9.5	7.5	6.0	7.0	
4	T2000289	TRẦN THỊ THÚY	LINH	X	28/03/2002	9.0	9.0	6.0	7.0	
5	T2000291	TRỊNH HUỖNH	NHU	X	22/12/2002	9.0	8.5	6.0	8.0	
6	T2000295	HUỖNH THỊ BÍCH	TIẾN	X	27/03/2002	10.0	9.0	6.0	8.0	
7	T2000320	TRẦN THỊ TIỂU	MY	X	09/10/2002	9.5	9.5	7.0	8.0	
8	T2000343	NGUYỄN VĂN	TRỌNG		18/05/2002	9.0	8.0	8.0	8.0	
9	T2000353	DƯƠNG HỒNG	THẨM	X	17/11/2002	9.0	7.5	6.0	7.0	
10	T2000370	TRẦN HUY	HÀ		24/06/2002	9.5	7.0	4.0	7.0	
11	T2000373	NGÔ TRƯỜNG	AN		12/12/2002	9.5	9.0	6.5	8.0	
12	T2000376	NGUYỄN NHẬT	LAM	X	11/11/2002	9.5	8.5	8.0	10.0	
13	T2000377	NGUYỄN TƯỜNG	VY	X	30/05/2002	10.0	7.5	7.5	9.0	
14	T2000378	LÊ VĂN	THOẠI		30/11/2002	9.5	7.5	5.5	6.5	
15	T2000379	VÔ THỊ MỸ	PHƯỢNG	X	22/07/2002	10.0	7.5	7.5	6.0	
16	T2000380	HUỖNH TRẦN KHÁNH	NGỌC	X	13/03/2002	10.0	8.0	7.0	9.0	
17	T2000382	TRỊNH VĂN QUỐC	KIỆT		22/04/2002	9.5	7.0	5.0	8.0	
18	T2000383	LÊ THÁI	NGUYỄN		20/08/2002	10.0	8.5	6.5	8.5	
19	T2000384	TRẦN THANH	THOÀN	X	17/11/2002	8.0	9.0	7.0	8.0	
20	T2000385	VÔ DUY	KHƯƠNG		21/10/2002	9.5	7.0	8.5	6.0	
21	T2000386	HỒ ĐỨC	THỊNH		15/08/2002	9.5	6.5	6.5	7.0	
22	T2000387	NGUYỄN THỊ CẨM	DUYÊN	X	01/07/2002	8.5	7.5	5.0	7.5	
23	T2000388	VÔ VĂN	HUỆ		07/04/2002	10.0	7.5	6.0	8.0	
24	T2000389	DƯƠNG THỊ TRÚC	ĐÀO	X	29/10/2002	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
25	T2000391	PHẠM HUỖNH	NHU	X	20/02/2002	9.5	8.0	6.5	9.0	
26	T2000392	CAO NHƯ	BĂNG	X	09/01/2002	10.0	9.0	9.5	9.0	
27	T2000393	THÁI CẨM	LY	X	27/04/2002	10.0	8.0	8.5	9.0	
28	T2000394	LÊ NGỌC	ANH	X	28/02/2002	9.0	7.5	7.0	7.0	
29	T2000395	CHÂU KIỂU	PHỤNG	X	21/05/2002	9.5	8.5	7.0	7.0	
30	T2000396	NGUYỄN NGỌC	THE	X	01/01/2002	9.5	5.5	7.0	7.0	
31	T2000397	TRẦN THỊ	THẢO	X	28/02/2002	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
32	T2000398	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	X	20/01/2002	10.0	9.5	7.0	8.5	



Nguyễn Minh Trí

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2020-2021
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2020

LỚP: 2029DB03

Trang: 1

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				GHI CHÚ
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2000037	ĐÀO THỊ KIM	DUYÊN	X	07/01/2001	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
2	T2000043	NGUYỄN VĂN HỒNG	HÀ		08/11/2002	9.0	6.5	6.0	5.0	
3	T2000080	TRẦN THANH	LIÊM		14/12/2001	8.5	8.5	7.0	6.5	
4	T2000173	LÊ NGỌC ANH	THI	X	25/10/2002	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
5	T2000237	NGUYỄN HOÀNG	HƠN		07/12/2002	10.0	8.5	8.5	7.0	
6	T2000248	TRẦN QUỐC	HẠO		10/02/2002	9.0	9.0	7.5	7.0	
7	T2000251	TRẦN TRUNG	NGUYỄN		26/09/2002	9.5	8.0	7.5	7.0	
8	T2000276	ĐỖ HỒNG	RIÊNG	X	15/06/2002	9.5	7.5	6.5	5.0	
9	T2000279	HỒ HOÀNG	TRỌNG		02/04/2002	10.0	10.0	7.0	6.5	
10	T2000281	NGUYỄN THỊ MỸ	XUYỀN	X	09/04/2002	10.0	9.0	7.0	5.0	
11	T2000299	HUỖNH THÚY	AN	X	30/09/2002	10.0	9.5	8.0	6.5	
12	T2000305	ĐỖ THỊ	DO	X	01/01/2001	10.0	8.5	7.0	6.5	
13	T2000307	PHAN THỊ TỐ	DUYÊN	X	21/07/2002	10.0	9.0	7.0	6.0	
14	T2000309	NGUYỄN NGỌC	HÂN	X	12/12/2002	10.0	9.5	8.0	10.0	
15	T2000311	HUỖNH HOÀNG	HUY		17/09/2002	8.5	8.0	8.0	7.0	
16	T2000313	VÔ THỊ MỸ	HUYỀN	X	28/10/2002	9.5	9.0	7.0	9.5	
17	T2000323	NGÔ THỊ YẾN	NGỌC	X	16/08/2002	9.5	10.0	8.0	8.5	
18	T2000329	TRẦN NHỰT	QUANG		19/08/2002	9.5	9.5	7.5	7.0	
19	T2000330	LÊ THỊ MỸ	QUYÊN	X	06/10/2002	9.5	7.5	9.0	7.0	
20	T2000331	HUỖNH TRƯƠNG NHƯ	QUỖNH	X	18/05/2002	9.5	8.0	5.5	7.0	
21	T2000338	VÔ MỘNG	THỦY	X	14/06/2002	9.5	7.0	7.0	8.0	
22	T2000339	NGUYỄN NHẬT	TIẾN		02/12/2002	9.5	9.0	7.0	8.0	
23	T2000342	ĐOÀN DƯƠNG	KHANG		17/06/2002	8.0	8.5	7.0	8.0	
24	T2000355	HỒ HOÀNG	PHÚC		25/07/2002	9.5	8.0	7.0	8.0	
25	T2000357	ĐINH NGUYỄN BÌNH	NGUYỄN		30/06/2002	9.5	7.0	6.5	8.0	
26	T2000363	NGUYỄN CHÍ	HẢO		25/10/2002	9.0	7.5	7.0	3.0	
27	T2000364	LÊ VĂN	TUẤN		11/01/2002	9.5	6.5	8.0	3.0	
28	T2000365	LÊ TRƯỜNG	VŨ		22/01/2002	9.5	8.0	8.5	9.5	
29	T2000366	NGUYỄN THỊ KIM	HOÀNG	X	24/07/2002	9.5	9.0	7.0	7.5	
30	T2000367	TRỊNH QUỐC	ĐẠT		09/01/2002	9.5	8.5	7.5	8.0	
31	T2000368	ĐẶNG CÔNG	DUY		21/06/2002	8.5	8.5	7.5	6.0	
32	T2000371	NGUYỄN LONG	XUYỀN		16/08/2002	10.0	7.5	7.5	8.0	
33	T2000374	NGUYỄN THANH	LIÊM		24/09/2001	9.5	7.5	7.0	6.0	
34	T2000375	NGUYỄN MINH	NHỰT		14/04/1999	9.0	7.0	7.0	6.5	
35	T2000390	NGUYỄN THỊ	GON	X	12/04/2002	9.5	9.0	9.0	7.0	

HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
CẦN THƠ
* Nguyễn Minh Trí

**KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2020-2021
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2020**

LỚP: 2029DB01

Trang: 1

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				GHI CHÚ
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2000007	VÔ THANH	BỬU		08/03/2002	9,0	7,5	4,0	8,0	
2	T2000008	NGUYỄN QUỐC	CA		30/10/2001	9,5	7,5	5,5	7,0	
3	T2000013	KHƯƠNG PHƯỚC TRIỀU	CUNG		07/09/2002	7,5	5,5	2,5	6,0	
4	T2000019	THÁI THÀNH	ĐẠT		02/01/2002	9,5	7,0	8,5	6,0	
5	T2000020	NGÔ VĂN	ĐÔNG		13/05/2002	8,5	7,5	7,0	6,0	
6	T2000022	HUỲNH HUỲNH	ĐỨC		23/04/2002	9,0	6,5	9,0	6,0	
7	T2000033	ĐOÀN THỊ THÚY	DUY	X	30/03/2002	9,5	8,0	8,0	6,0	
8	T2000034	TRỊNH QUỐC	DUY		20/11/2002	10,0	6,5	7,0	6,0	
9	T2000035	ĐINH THỊ MINH	DUYÊN	X	23/08/2002	9,0	5,5	6,0	5,0	
10	T2000044	NGUYỄN NGỌC	HÂN	X	01/01/2002	9,0	7,0	7,5	5,0	
11	T2000047	NGUYỄN PHI	HÀO		25/12/2002	8,5	7,0	5,5	8,0	
12	T2000051	ĐỖ CÔNG	HẬU		18/09/2000	9,5	6,0	4,5	8,5	
13	T2000054	NGUYỄN ĐẠI	HIẾU		16/01/2002	9,0	6,5	8,0	8,0	
14	T2000057	NGUYỄN NHẤT	HOÀNG		20/07/2002	9,5	6,0	8,5	8,0	
15	T2000059	NGÔ THỊ	HƯƠNG	X	14/11/2002	9,5	9,0	8,5	10,0	
16	T2000063	NGUYỄN HOÀNG	HUY		10/09/2002	8,5	7,0	7,5	8,5	
17	T2000073	NGUYỄN DUY	KHƯƠNG		12/08/2002	9,5	7,0	7,5	7,0	
18	T2000074	NGUYỄN TRUNG	KIÊN		30/11/2002	10,0	5,0	6,5	7,0	
19	T2000075	TRẦN TUẤN	KIỆT		10/10/2002	9,5	5,0	6,5	6,0	
20	T2000077	PHẠM CAO	KỶ		20/12/2001	8,0	8,5	6,5	6,5	
21	T2000078	HUỲNH NGỌC	LAM		18/03/2002	9,5	6,5	8,0	6,0	
22	T2000085	VÔ PHƯỚC	LỘC		22/11/2002	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
23	T2000086	NGUYỄN PHƯỚC	LỘC		16/10/2000	10,0	8,5	6,0	7,0	
24	T2000087	NGUYỄN THÀNH	LỘC		12/04/2002	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
25	T2000093	NGUYỄN TẤN	LƯỢNG		15/11/2002	9,5	8,0	2,5	8,0	
26	T2000101	HUỲNH HỒNG	MƠ	X	03/04/2002	9,5	9,0	5,5	8,0	
27	T2000102	TRẦN THỊ KIỀU	MY	X	17/03/2002	10,0	9,0	6,5	7,0	
28	T2000105	LƯU HOÀI	NAM		25/06/2002	10,0	9,0	8,0	7,0	
29	T2000123	NGUYỄN THỊ MỸ	NHÂN	X	02/10/2002	8,5	8,0	9,0	7,5	
30	T2000126	NGUYỄN THỊ Ý	NHI	X	29/09/2002	9,5	9,5	7,0	7,0	
31	T2000128	NGUYỄN YẾN	NHI	X	02/02/2002	9,5	10,0	5,0	7,0	
32	T2000156	VÔ PHƯỚC	SANG		30/04/2002	9,5	7,5	7,0	8,0	
33	T2000205	VÔ ĐÌNH KIM	TUYẾN	X	10/07/2002	8,5	9,5	8,5	7,0	
34	T2000290	HUỲNH THỊ YẾN	NHI	X	01/03/2002	10,0	10,0	8,0	9,5	
35	T2000362	PHAN CÔNG	TIẾN		09/12/2002	9,5	6,5	7,5	6,5	

